CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha

Ngày 30/06/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.7%	**3.6%**	**0.8%**

DT thuần
Q2/25
791
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 105| 15.3%
YoY: ▼173| -18.0%

LN thuần
Q2/25
11.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.64| 46.5%
YoY: ▲ 2.46| 27.2%

LN sau thuế
Q2/25
10.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.42| 72.0%
YoY: ▲ 3.73| 54.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
2.9%
YoY: +/-▲ 0.2%

ROE (TTM)
Q2/25
11.8%
YoY: +/-▲ 1.8%

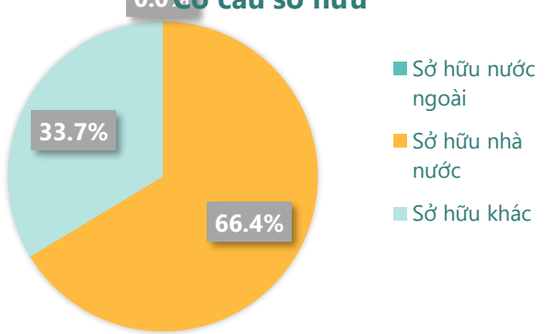
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,730 - 10,656
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	182
Số lượng CPLH (CP)	18,208,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25,550
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.62
EPS	1,398
P/E	7.2

DT thuần
6T 2025
1,477
tỷ VNĐ
YoY: ▼91.0| -5.9%

LN thuần
6T 2025
19.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.50| 40.4%

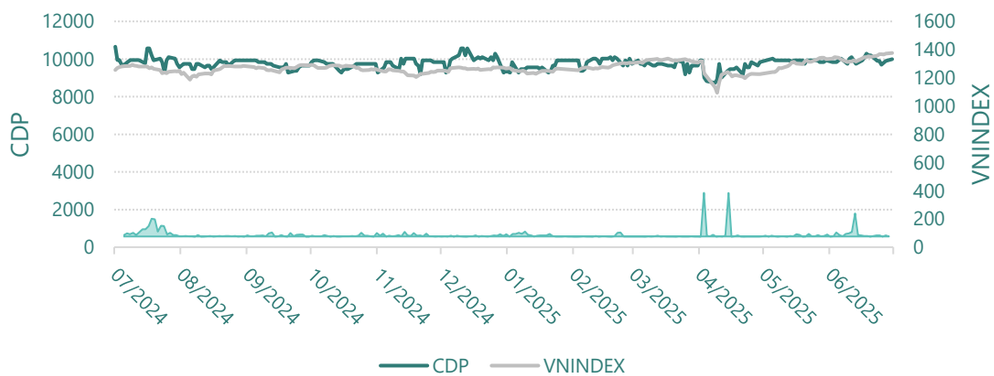
LN sau thuế
6T 2025
16.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.30| 62.2%

Cơ cấu sở hữu

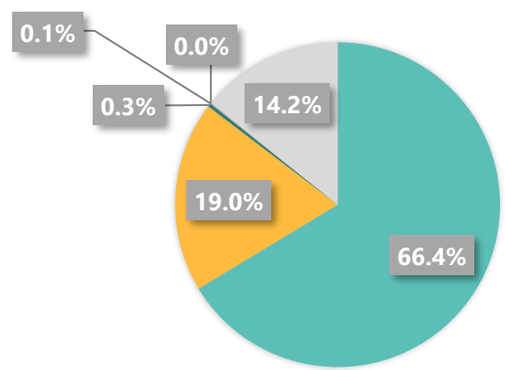


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

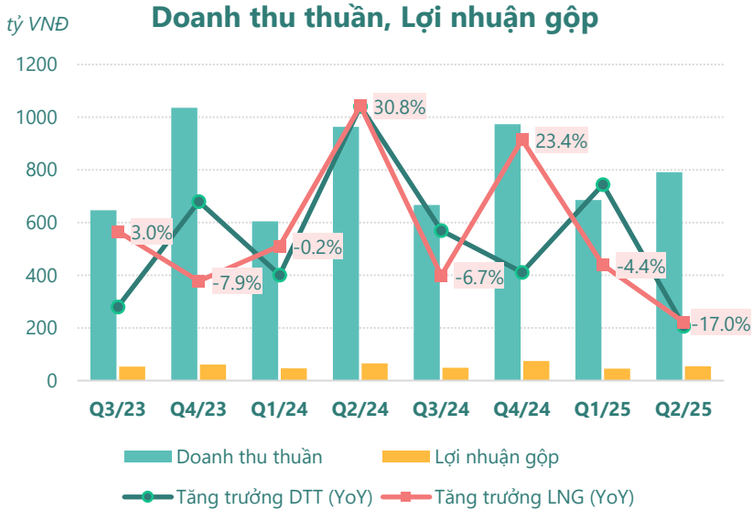


- Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
- CTCP Dược phẩm Bến Tre
- CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha
- Ngô Thị Bích Thảo
- Bùi Hữu Hiền (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

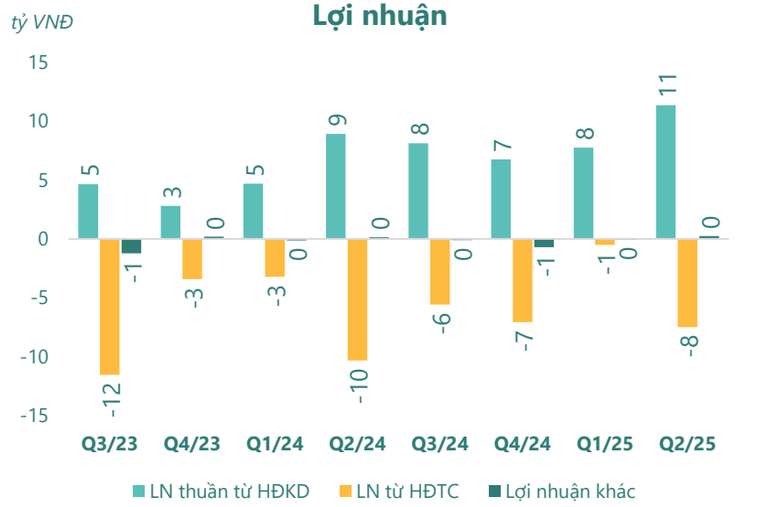
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



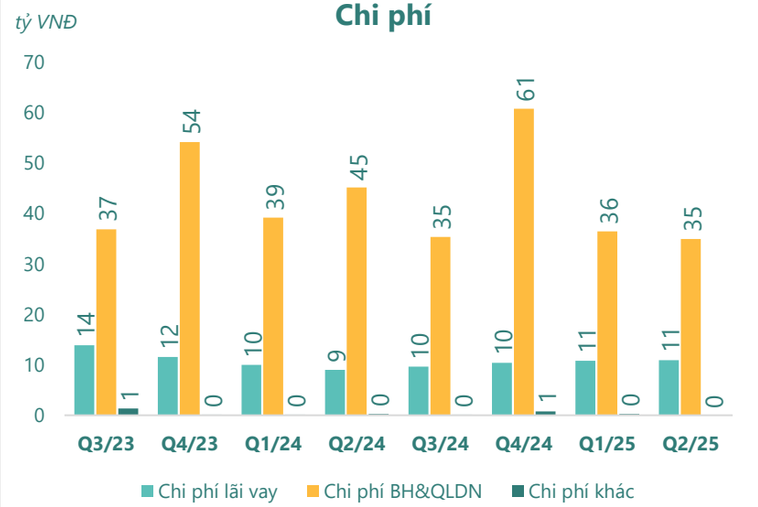
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



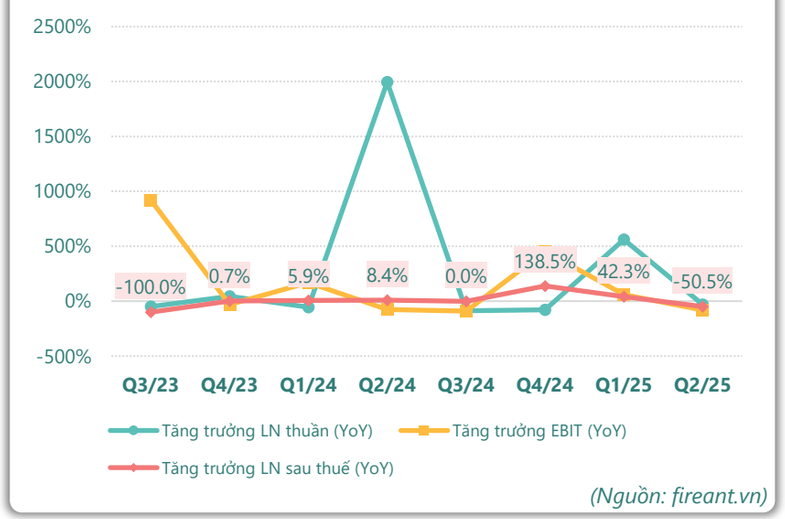
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



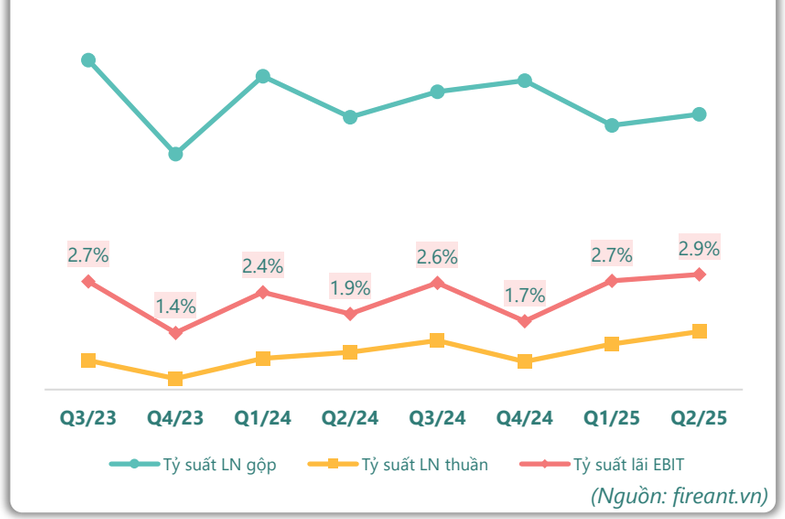
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



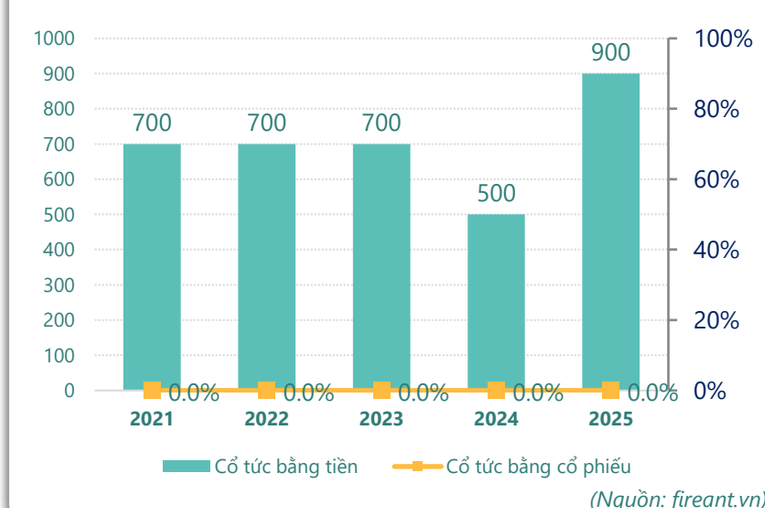
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



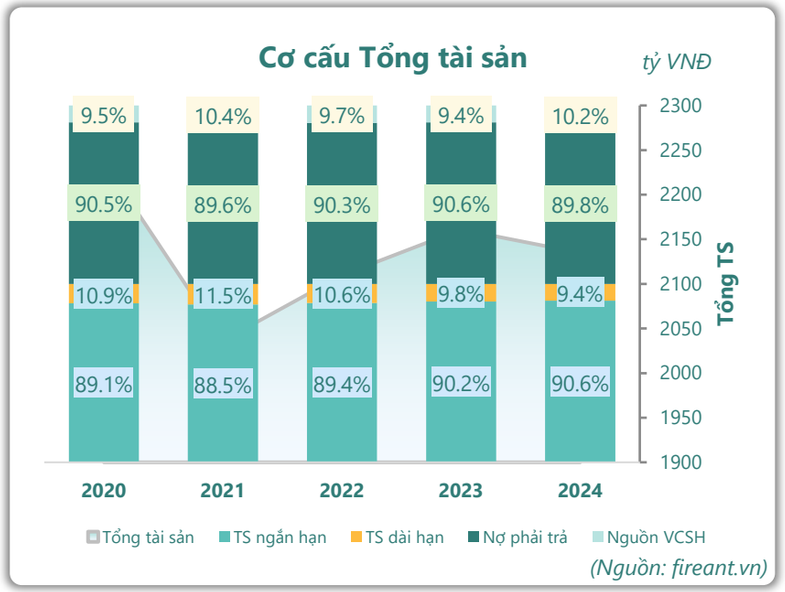
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

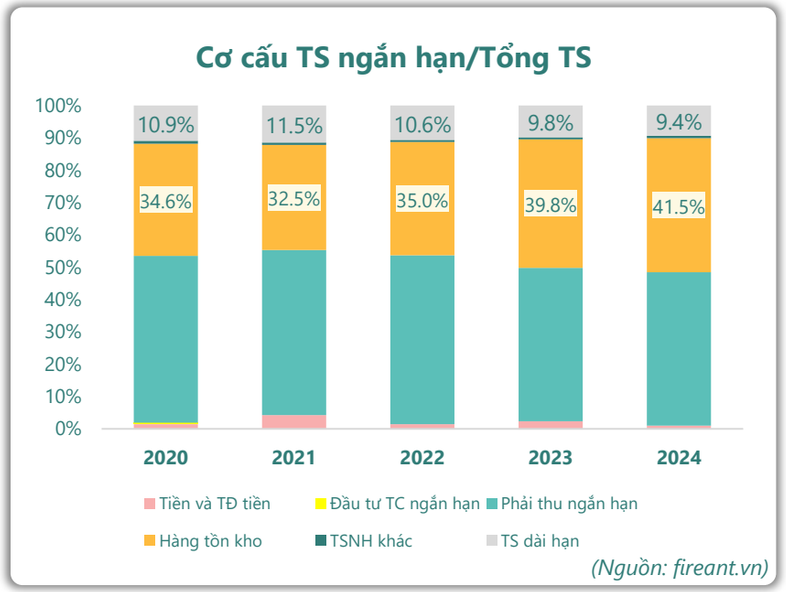


(Nguồn: fireant.vn)

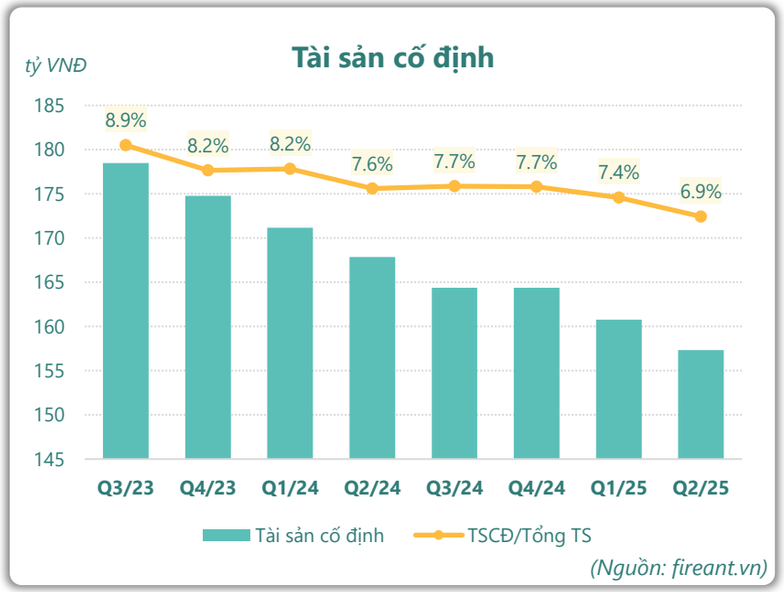
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



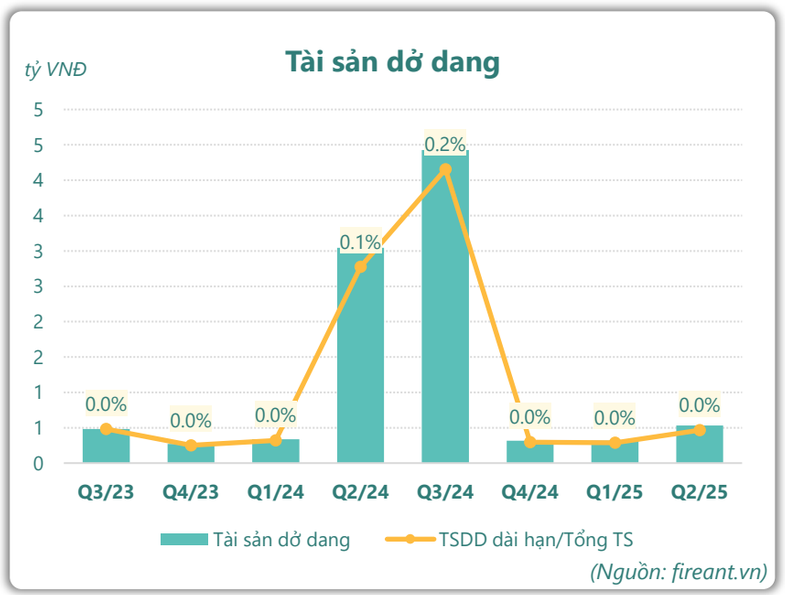
(Nguồn: fireant.vn)



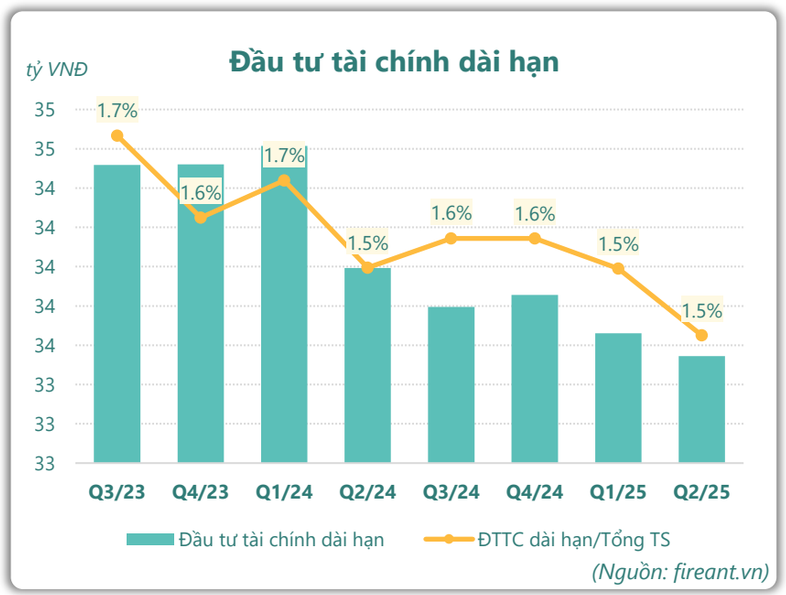
(Nguồn: fireant.vn)



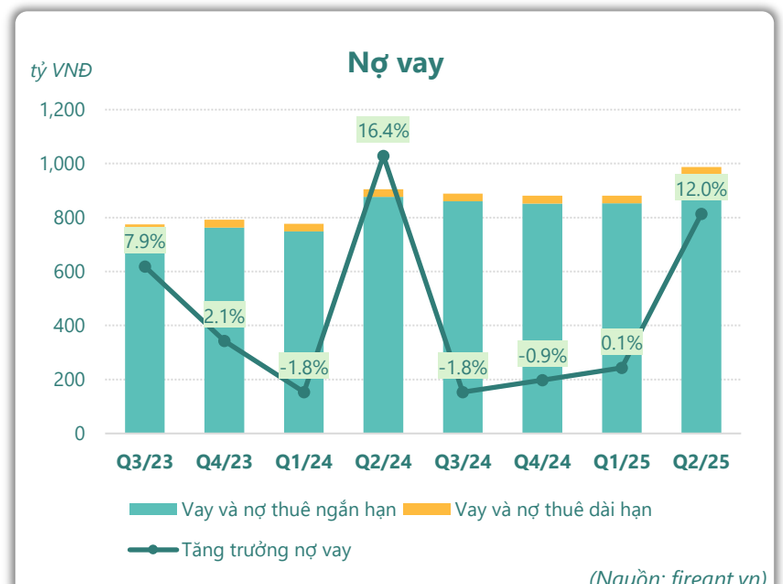
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



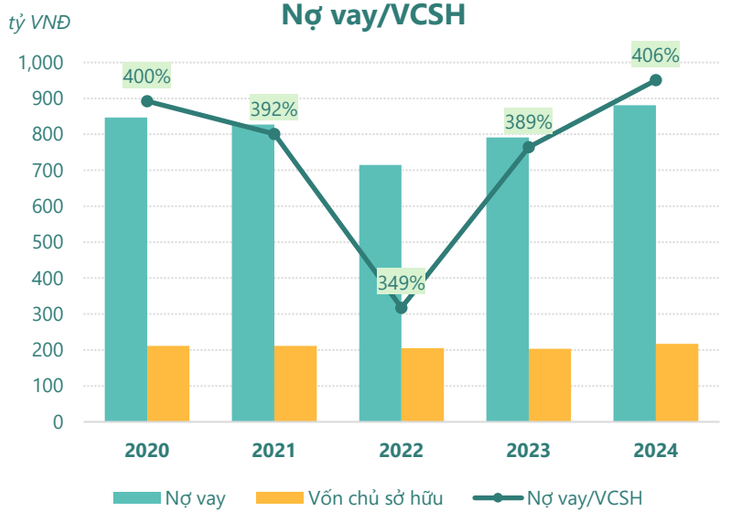
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



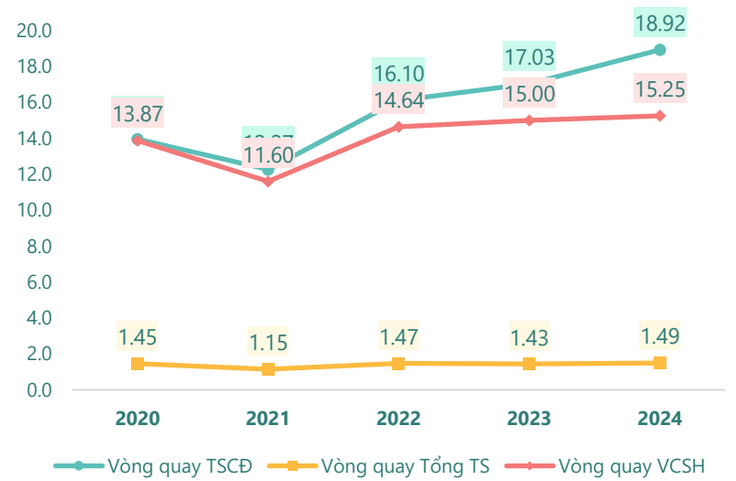
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



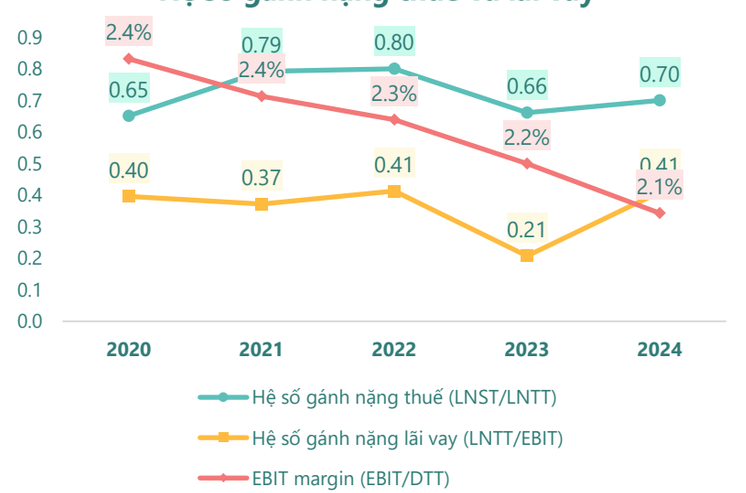
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



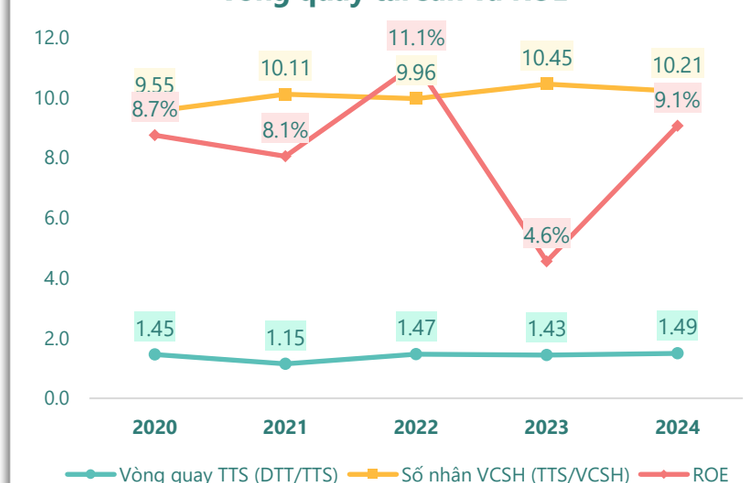
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



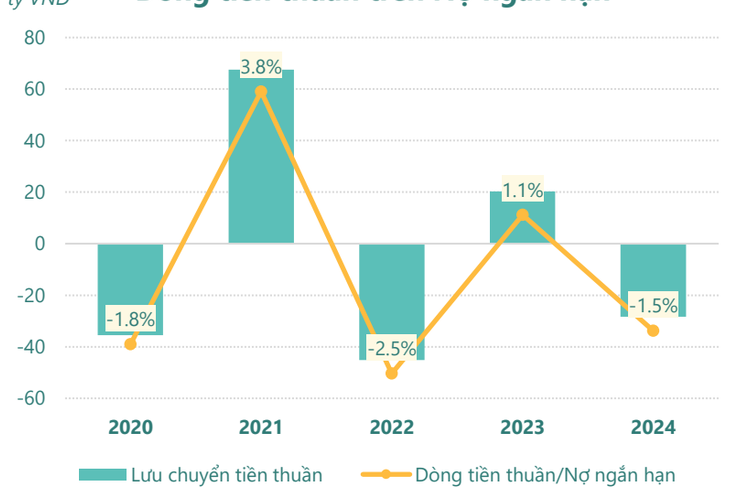
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**791**	**964**	**-18.0%**	**1,477**	**1,568**	**-5.9%**
Giá vốn hàng bán	737	899	-18.1%	1,378	1,456	-5.4%
Lợi nhuận gộp	54.0	65.1	-17.1%	98.9	112	-11.7%
Doanh thu HĐTC	8.91	5.50	61.9%	19.2	12.5	53.8%
Chi phí TC	16.4	15.8	3.9%	27.2	26.0	4.5%
Chi phí lãi vay	11.0	9.02	21.5%	21.8	19.0	14.3%
LN trong công ty LKLD	**-0.12**	**-0.62**	**81.2%**	**-0.31**	**-0.53**	**40.9%**
Chi phí bán hàng	29.4	28.2	4.3%	56.0	55.8	0.4%
Chi phí QLDN	**5.59**	**17.0**	**-67.1%**	**15.5**	**28.6**	**-45.9%**
LN thuần từ HĐKD	11.4	8.94	27.2%	19.1	13.6	40.4%
Lợi nhuận khác	**0.24**	**0.15**	**56.8%**	**0.18**	**0.03**	**551%**
LN trước thuế	11.6	9.09	27.7%	19.3	13.7	41.4%
Lợi nhuận sau thuế	**10.5**	**6.77**	**54.4%**	**16.5**	**10.2**	**62.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.5**	**6.77**	**54.4%**	**16.5**	**10.2**	**62.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-9.55	-134	21.7	17.5	-14.1	-98.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.06	-2.70	0.00	-1.02	0.19	5.61
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.3	128	-25.4	-7.95	0.59	105
Tiền đầu kỳ	50.5	26.6	20.7	13.6	21.9	8.66
Lưu chuyển tiền thuần	**-23.9**	**-9.10**	**-3.68**	**8.55**	**-13.3**	**12.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	3.28	-3.49	-0.05	0.02	0.02
Tiền cuối kỳ	26.6	20.7	13.6	22.1	8.66	21.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,294**	**2,135**	**7.4%**
Tài sản ngắn hạn	2,100	1,934	8.6%
Tiền và tương đương tiền	21.2	21.9	-3.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,110	1,012	9.7%
Hàng tồn kho	957	885	8.1%
Tài sản ngắn hạn khác	10.7	14.1	-24.2%
Tài sản dài hạn	**194**	**201**	**-3.4%**
Phải thu dài hạn	0.65	0.65	0.0%
Tài sản cố định	157	164	-4.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.53	0.32	69.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	33.5	33.9	-0.9%
Tài sản dài hạn khác	**2.08**	**1.76**	**18.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,078	1,917	8.3%
Nợ ngắn hạn	**2,048**	**1,888**	**8.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	958	852	12.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,039	996	4.3%
Nợ dài hạn	29.2	29.2	-0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	29.0	29.0	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**216**	**217**	**-0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**216**	**217**	**-0.5%**
Vốn điều lệ	183	183	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)